

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



Vĩnh Long, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

85

T.
HỮU
AN
VA

6

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Vĩnh Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Căng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1500220164 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2004, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Minh Trí	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng	Phó chủ tịch
	Ông Huỳnh Tấn Minh	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Ủy viên
	Ông Dương Khánh Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Lê Minh Trí	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Parker Randall Việt Nam (“Parker Randall Vietnam”).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Minh Trí
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, Ngày 09 tháng 3 năm 2017

Số: 365/2017/AUD/PRV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (gọi tắt là “Công ty”), được lập Ngày 09 tháng 3 năm 2017 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (sau đây gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

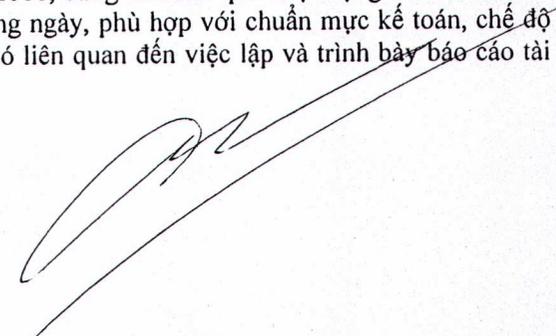
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Song Toàn
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1551-2015-238-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Parker Randall Việt Nam ("Parker Randall Vietnam")
Ngày 09 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Nguyễn Văn Quý
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3145-2015-238-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.602.881.228	10.000.621.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.239.012.156	1.325.464.145
1. Tiền	111		1.239.012.156	325.464.145
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.401.870.384	7.874.148.866
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.766.648.372	8.168.451.346
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	20.000.000	177.636.980
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	691.736.121	604.574.649
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.076.514.109)	(1.076.514.109)
IV. Hàng tồn kho	140	10	591.746.127	471.435.539
1. Hàng tồn kho	141		591.746.127	471.435.539
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		370.252.561	329.573.137
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	370.252.561	329.573.137
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.722.757.651	31.019.633.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.737.470.734	6.333.100.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	5.737.470.734	6.333.100.000
II. Tài sản cố định	220		14.892.660.165	21.718.828.229
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.892.660.165	21.718.828.229
- Nguyên giá	222		34.217.811.336	40.329.795.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.325.151.171)	(18.610.967.103)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		370.081.892	218.620.388
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	370.081.892	218.620.388
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.774.800.000	1.774.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	1.774.800.000	1.774.800.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		947.744.860	974.285.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	947.744.860	974.285.007
TỔNG TÀI SẢN	270		33.325.638.879	41.020.255.311

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

85-C.1
 TY
 HỮU HẠN
 VNDIA
 IAM
 5 CH

MẪU SỐ B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.670.888.320	18.159.494.820
I. Nợ ngắn hạn	310		6.595.924.758	5.770.347.793
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	335.745.571	678.037.335
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.570.360	10.743.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.035.745.677	2.770.307.055
4. Phải trả người lao động	314		146.840.981	125.876.792
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	34.591.158	25.657.627
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.171.934.382	2.066.906.258
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.102.000.000	392.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	(237.503.371)	(299.180.274)
II. Nợ dài hạn	330		3.074.963.562	12.389.147.027
7. Phải trả dài hạn khác	337	18	35.900.000	11.570.583.465
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.039.063.562	818.563.562
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.654.750.559	22.860.760.491
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	23.654.750.559	22.860.760.491
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.877.000.000	20.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(468.670.116)	(443.470.116)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.855.264.387	3.729.357.484
11. Lỗ lũy kế	421		(608.843.712)	(425.126.877)
- Lỗ lũy kế đầu năm	421a		(1.673.664.383)	(1.803.161.211)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm	421b		1.064.820.671	1.378.034.334
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		33.325.638.879	41.020.255.311



Lê Thị Hồng Nhiên
Người lập



Dương Khánh Hùng
Kế toán trưởng




Lê Minh Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	22.014.498.435	21.551.242.290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	22.014.498.435	21.551.242.290
4. Giá vốn hàng bán	11	23	16.851.428.541	15.236.022.957
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.163.069.894	6.315.219.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	247.937.586	10.178.455
7. Chi phí tài chính	22	25	251.932.014	96.688.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		251.932.014	96.688.750
8. Chi phí bán hàng	25	26	470.063.826	460.562.607
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	4.059.733.623	4.134.261.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		629.278.017	1.633.884.962
11. Thu nhập khác	31		659.294.798	127.414.162
12. Chi phí khác	32		2.879.062	26.794.410
13. Lợi nhuận khác	40	28	656.415.736	100.619.752
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50		1.285.693.753	1.734.504.714
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	220.873.082	356.470.380
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.064.820.671	1.378.034.334

Lê Thị Hồng Nhiên
Người lập

Dương Khánh Hùng
Kế toán trưởng



Lê Minh Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.285.693.753	1.734.504.714
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.702.469.958	1.669.523.173
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(513.087.010)	(129.259.822)
Chi phí lãi vay	06	251.932.014	96.688.750
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.727.008.715	3.371.456.815
Biến động các khoản phải thu	09	418.909.706	(1.129.084.614)
Biến động hàng tồn kho	10	(220.785.830)	59.637.361
Biến động các khoản phải trả	11	(306.795.266)	(106.767.099)
Biến động chi phí trả trước	12	460.589.132	112.224.780
Tiền lãi vay đã trả	14	(251.932.014)	(96.688.750)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	241.130.650	(175.612.222)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.470.000	17.825.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(111.700.000)	(99.808.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.003.895.093	1.953.182.671
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.927.437.398)	(2.145.375.315)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	649.776.530	143.352.584
7. Thu lãi tiền gửi và cổ tức nhận được	27	247.937.586	10.178.455
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.029.723.282)	(1.991.844.276)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	10.000.000
3. Tiền vay dài hạn nhận được	33	4.070.000.000	640.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.139.500.000)	(593.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(991.123.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.939.376.200	57.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(86.451.989)	18.338.395
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.325.464.145	1.307.125.750
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.239.012.156	1.325.464.145

Lê Thị Hồng Nhiên
Người lập

Dương Khánh Hùng
Kế toán trưởng



Lê Minh Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1500220164 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2004, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 27 tháng 12 năm 2014. Vốn điều lệ của công ty là 20.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: VINH LONG PORT CORPORATION.

Tên viết tắt: VINH LONG PORT

Trụ sở chính của Công ty tại số 170/2, Phạm Hùng, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Số lượng nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 49 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 53 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (vận chuyển hàng hóa đường bộ);
- Bán buôn đồ uống (mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia...));
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (hoạt động kho bãi);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (dịch vụ trung chuyển nguyên liệu qua cảng. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát sông);
- Bán mô tô, xe máy (mua bán: mô tô, xe máy);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán: gỗ các loại, thiết bị vật liệu lắp đặt trong xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch, ngói. Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu); Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (dịch vụ làm thủ tục hải quan, khai thuế hải quan);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (mua bán hàng thủ công mỹ nghệ);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (mua bán: xe ô tô, xe tải, rơ moóc); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (mua bán: phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ)
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (mua bán: máy nông ngư cơ);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (mua bán: thiết bị máy nông nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng, máy san ủi, san lấp mặt bằng, trái nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo xích, máy đào đất, giàn giáo di động, cần cẩu trong xây dựng, thiết bị văn phòng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (mua bán: gỗ các loại, thiết bị vật liệu lắp đặt trong xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, gạch ngói. Kinh doanh vật liệu xây dựng);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, than đá, thiết bị văn phòng, dầu);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mua bán: gốm);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán: gốm);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (mua bán than đá, dầu, nhớt);
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (đóng thuyền);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Sửa chữa tàu thuyền);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (mua bán thép cuộn);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán dầu nhớt);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia...))
- Đại lý, môi giới, đấu giá (đại lý bảo hiểm).

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2016 bao gồm các hoạt động:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động kho bãi;
- Dịch vụ trung chuyển nguyên liệu qua cảng;
- Dịch vụ vận tải sông biển;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Mua bán: dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Điều chỉnh hồi tố

Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố khoản lãi phát sinh do chậm trả khoản phải trả cổ phần hóa cho Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà nước với tổng số tiền là 1.684.195.908 đồng theo Công văn số 2270/ĐTKDV -TCKT của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ngày 14 tháng 12 năm 2012.

Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số liệu trước</u> <u>trình bày lại</u>	<u>Số liệu sau trình</u> <u>bày lại</u>	<u>Chênh lệch</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả ngắn hạn khác	382.710.350	2.066.906.258	(1.684.195.908)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối / (Lỗ lũy kế)	1.259.069.031	(425.126.877)	1.684.195.908

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, phải trả người bán, các khoản phải trả, phải nộp khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí sửa chữa tài sản, chi phí kiểm định cầu cảng và chi phí công cụ dụng cụ khác chờ phân bổ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản, công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí kiểm định cầu cảng được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian kiểm định định kỳ là 5 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm, công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	221.265.395	100.901.915
Tiền gửi ngân hàng	1.017.746.761	224.562.230
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Tổng	<u>1.239.012.156</u>	<u>1.325.464.145</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Cảng Bình Minh	680.562.928	780.562.928
Công ty Cổ phần Thương Mại Vận Tải Nhật Hải Đăng	674.108.172	1.360.072.170
Công ty TNHH Bê Tông Hoàn Mỹ	639.805.000	639.805.000
Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Long	636.738.937	-
Khác	5.135.433.335	5.388.011.248
Tổng	<u>7.766.648.372</u>	<u>8.168.451.346</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG170/2, Phạm Hùng, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long,
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng theo tuổi nợ, dự phòng:

GIÁ GỐC	< 6 tháng	< 1 năm	< 2 năm	< 3 năm	> = 3 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Lê Văn Hậu	-	-	84.064.517	-	-	84.064.517
DNTN Vĩnh Nghi	-	-	-	-	176.870.975	176.870.975
Nguyễn Văn Thắm	-	-	-	-	186.956.050	186.956.050
Công ty Cổ phần Địa ốc Tiên Phong	-	-	-	-	43.063.650	43.063.650
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Việt Nhật	-	-	-	-	17.170.900	17.170.900
Công ty TNHH Xuân Phát Đạt	-	-	-	-	8.953.000	8.953.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn	-	-	-	-	75.515.641	75.515.641
Anh Hùng Ủy Ban Tỉnh Vĩnh Long	-	-	-	-	4.980.000	4.980.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Vinashin	-	-	-	-	355.448.500	355.448.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tây Nam Bộ	-	-	-	-	428.607.156	428.607.156
Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Bình Minh	-	-	-	-	394.140.480	394.140.480
Công ty TNHH Bê Tông Hoàn Mỹ	-	-	-	-	639.805.000	639.805.000
Công ty Cổ phần VX Tư Vấn Đầu Tư và Xây dựng	-	-	-	-	37.168.552	37.168.552
Công ty CP Thiết kế Tư vấn Xây Dựng Trường Tín	-	-	-	-	21.600.000	21.600.000
Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Sài Gòn	-	-	-	52.222.500	-	52.222.500
Phan Văn Lực	-	-	-	-	64.203.500	64.203.500
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Kim Giáp	-	-	19.777.000	-	-	19.777.000
DNTN Thanh Danh	-	-	-	-	13.750.000	13.750.000
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	-	-	98.206.500	-	-	98.206.500
Khác	5.044.144.451	-	-	-	-	5.044.144.451
Tại ngày 31/12/2016	5.044.144.451	-	202.048.017	52.222.500	2.468.233.404	7.766.648.372

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG170/2, Phạm Hùng, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long,
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

DỰ PHÒNG	< 6 tháng	< 1 năm	< 2 năm	< 3 năm	> = 3 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
DNTN Vĩnh Nghi	-	-	-	-	168.870.000	168.870.000
Nguyễn Văn Thắm	-	-	-	-	186.956.050	186.956.050
Công ty Cổ phần Địa ốc Tiên Phong	-	-	-	-	43.063.650	43.063.650
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Việt Nhật	-	-	-	-	17.170.900	17.170.900
Công ty TNHH Xuân Phát Đạt	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn	-	-	-	-	-	-
Anh Hùng Ủy Ban Tỉnh Vĩnh Long	-	-	-	-	4.980.000	4.980.000
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Vinashin	-	-	-	-	355.448.500	355.448.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tây Nam Bộ	-	-	-	-	300.025.009	300.025.009
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	-	1.076.514.109	1.076.514.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI	< 6 tháng VND	< 1 năm VND	< 2 năm VND	< 3 năm VND	> = 3 năm VND	Tổng VND
Lê Văn Hậu	-	-	84.064.517	-	-	84.064.517
DNTN Vinh Nghi	-	-	-	-	8.000.975	8.000.975
Nguyễn Văn Thẩm	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Tiên Phong	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Việt Nhật	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Xuân Phát Đạt	-	-	-	-	8.953.000	8.953.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn	-	-	-	-	75.515.641	75.515.641
Anh Hùng Ủy Ban Tỉnh Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Vinashin	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tây Nam Bộ	-	-	-	-	128.582.147	128.582.147
Công ty Cổ phần Bê Tông 620 Bình Minh	-	-	-	-	394.140.480	394.140.480
Công ty TNHH Bê Tông Hoàn Mỹ	-	-	-	-	639.805.000	639.805.000
Công ty Cổ phần VX Tư Vấn Đầu Tư và Xây dựng	-	-	-	-	37.168.552	37.168.552
Công ty CP Thiết kế Tư vấn Xây dựng Trường Tín	-	-	-	-	21.600.000	21.600.000
Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Sài Gòn	-	-	-	52.222.500	-	52.222.500
Phan Văn Lược	-	-	-	-	64.203.500	64.203.500
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Kim Giáp	-	-	19.777.000	-	-	19.777.000
DNTN Thanh Danh	-	-	-	-	13.750.000	13.750.000
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	-	-	98.206.500	-	-	98.206.500
Khác	5.044.144.451	-	-	-	-	5.044.144.451
Tại ngày 31/12/2016	5.044.144.451	-	202.048.017	52.222.500	1.391.719.295	6.690.134.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận chuyển Minh Anh	-	128.636.980
Công ty TNHH MTV Hoàng Thành Vĩnh Long	20.000.000	-
Khác	-	49.000.000
Tổng	<u><u>20.000.000</u></u>	<u><u>177.636.980</u></u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	691.736.121	604.574.649
Phải thu tiền bán cổ phần doanh nghiệp Lê Thị Mỹ Hạnh	-	33.508.050
Lê Hoàng Cách	143.815.996	143.815.996
Chi phí bồi thường tai nạn	40.600.000	-
Tạm ứng	431.006.795	325.889.833
Phải thu khác	76.313.330	76.360.770
Dài hạn	5.737.470.734	6.333.100.000
Tiền đầu tư liên doanh thực hiện dự án cùng với Công ty Cổ phần Địa Ốc Vĩnh Long (1)	5.333.100.000	5.333.100.000
Cầu Trà Ôn (2)	404.370.734	1.000.000.000
Tổng	<u><u>6.429.206.855</u></u>	<u><u>6.937.674.649</u></u>

- (1) Phải thu dài hạn của khoản đầu tư góp vốn vào dự án mua đất để kinh doanh mảnh đất 50.000 m² tại ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HDLĐ ngày 26/04/2004. Thông tin về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 32.
- (2) Theo Công văn số 691/UBND-CN ngày 11/04/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, dự án Đường vào bến bốc dỡ vật liệu xây dựng Bình Minh, hạng mục cầu Trà Ôn sẽ giao cho Ban quản lý các dự án giao thông trực thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Vĩnh Long tiếp tục thực hiện.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<u>Trên 3 năm</u>
	VND
DỰ PHÒNG	
Nguyễn Văn Thắm	186.956.050
Công ty TNHH Vĩnh Nghi	168.870.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Tiên Phong	43.063.650
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Nhật	17.170.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin	355.448.500
Anh Hùng - Ủy Ban Tỉnh Vĩnh Long	4.980.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Tây Nam Bộ	300.025.009
Tại ngày 31/12/2016	<u><u>1.076.514.109</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	362.114.029	220.457.540
Công cụ, dụng cụ	47.845.913	46.775.662
Hàng hoá	181.786.185	204.202.337
Tổng	<u>591.746.127</u>	<u>471.435.539</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	62.829.606	52.278.567
Chi phí sửa chữa tài sản	187.438.349	144.739.061
Chi phí công cụ dụng cụ	119.984.606	132.555.509
Tổng	<u>370.252.561</u>	<u>329.573.137</u>

Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản	760.021.077	689.187.790
Chi phí công cụ dụng cụ	69.131.701	108.919.514
Chi phí kiểm định cầu cảng	114.545.456	165.454.546
Khác	4.046.626	10.723.157
Tổng	<u>947.744.860</u>	<u>974.285.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG170/2, Phạm Hùng, phường 9, thành phố Vĩnh Long,
Tỉnh Vĩnh Long, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	25.446.167.926	5.968.255.811	8.712.982.678	202.388.917	40.329.795.332
Mua trong năm	-	155.000.000	-	-	155.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.304.466.363	942.256.364	-	5.246.722.727
Thanh lý nhượng bán	(10.140.793.727)	-	(1.372.912.996)	-	(11.513.706.723)
Số dư tại 31/12/2016	15.305.374.199	10.427.722.174	8.282.326.046	202.388.917	34.217.811.336
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	(10.252.160.404)	(4.638.760.344)	(3.613.604.869)	(106.441.486)	(18.610.967.103)
Khấu hao trong năm	(465.317.424)	(437.156.091)	(777.938.278)	(22.058.165)	(1.702.469.958)
Thanh lý nhượng bán	-	-	988.285.890	-	988.285.890
Số dư tại 31/12/2016	(10.717.477.828)	(5.075.916.435)	(3.403.257.257)	(128.499.651)	(19.325.151.171)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	15.194.007.522	1.329.495.467	5.099.377.809	95.947.431	21.718.828.229
Tại 31/12/2016	4.587.896.371	5.351.805.739	4.879.068.789	73.889.266	14.892.660.165

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	9.967.298.233	7.947.244.373
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:	3.305.401.793	1.422.850.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí đầu tư Cảng An Phước	-	218.620.388
Cải tạo văn phòng, công trình phụ trợ	370.081.892	-
Tổng	<u>370.081.892</u>	<u>218.620.388</u>

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn
				theo sổ sách (31/12/2016)
Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long	22.890.000.000	1.740.000.000	7,60%	1.774.800.000
Tổng	<u>22.890.000.000</u>	<u>1.740.000.000</u>		<u>1.774.800.000</u>

Chi tiết khoản đầu tư:

	Số vốn đã góp			
	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	11.077.000.000	53%	10.200.000.000	51%
Đối tượng khác	9.800.000.000	47%	9.800.000.000	49%
Tổng	<u>20.877.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Căn cứ theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III (2015 – 2019) của Công ty Cổ phần Địa Ốc Vĩnh Long tại ngày 22 tháng 08 năm 2015, số lượng cổ phiếu nhận được từ việc chia cổ tức của năm 2011 và năm 2014 là 2.824 cổ phiếu.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thép Bình Nguyên - CN Vĩnh Long	260.755.243	443.522.626
Công ty TNHH MTV Hoàng An Gia	50.738.500	-
Công Ty Xây Dựng 621	-	105.558.779
Công ty TNHH Phước Anh 3	-	74.536.660
Khác	24.251.828	54.419.270
Tổng	<u>335.745.571</u>	<u>678.037.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	297.660.113	2.304.728.197	2.311.408.675	290.979.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	173.051.706	226.472.982	241.130.650	158.394.038
Thuế thu nhập cá nhân	1.860.000	20.215.531	14.425.285	7.650.246
Tiền thuê đất	2.297.735.236	1.674.344.280	1.395.286.900	2.576.792.616
Khác	-	225.629.142	223.700.000	1.929.142
Tổng	2.770.307.055	4.451.390.132	4.185.951.510	3.035.745.677

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	34.591.158	25.657.627
Điện thoại	-	2.715.236
Chi phí tiền ăn ca	18.490.386	18.623.076
Chi phí công tác ngoại tỉnh	5.274.000	2.360.000
Khác	10.826.772	1.959.315
Tổng	34.591.158	25.657.627

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả ngắn hạn khác	2.171.934.382	2.066.906.258
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	439.666.982	333.289.333
Phải trả khác	48.071.492	49.421.017
Phải trả tiền lãi chậm nộp cổ phần hóa	1.684.195.908	1.684.195.908
Phải trả dài hạn khác	35.900.000	11.570.583.465
Phải trả cổ phần hóa	-	877.000.000
Phải trả quỹ đầu tư xây dựng cơ bản	-	10.657.683.465
Nhận ký quỹ, ký cược	35.900.000	35.900.000
Tổng	2.207.834.382	13.637.489.723

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ ngắn hạn

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị sổ sách	Khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị sổ sách	Khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả						
Tổ chức tín dụng	392.000.000	392.000.000	1.102.000.000	392.000.000	1.102.000.000	1.102.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	392.000.000	392.000.000	1.102.000.000	392.000.000	1.102.000.000	1.102.000.000
Tổng	392.000.000	392.000.000	1.102.000.000	392.000.000	1.102.000.000	1.102.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay và nợ dài hạn

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị sổ sách	Khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị sổ sách	Khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
KỲ HẠN TỪ 2 NĂM ĐẾN 5 NĂM	818.563.562	818.563.562	4.070.000.000	1.849.500.000	3.039.063.562	3.039.063.562
Tổ chức tín dụng	740.000.000	740.000.000	4.070.000.000	1.849.500.000	2.960.500.000	2.960.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	740.000.000	740.000.000	4.070.000.000	1.849.500.000	2.960.500.000	2.960.500.000
Khác	78.563.562	78.563.562	-	-	78.563.562	78.563.562
Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Long	78.563.562	78.563.562	-	-	78.563.562	78.563.562
Tổng	818.563.562	818.563.562	4.070.000.000	1.849.500.000	3.039.063.562	3.039.063.562

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay:

Theo hợp đồng vay số 01/2016/742747/HĐTD ngày 27/05/2016 với ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long với số tiền là 3.320.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 năm. Khoản vay dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Lãi suất vay là 10%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 12.

Theo hợp đồng vay số 03/2016/742747/HĐTD ngày 19/08/2016 với ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long với số tiền là 750.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm. Khoản vay dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Lãi suất vay là 10%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 12.

Theo hợp đồng vay số 3022/2015/742747/HĐTD ngày 01/07/2015 với ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long cấp cho Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long với số tiền là 640.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 năm. Khoản vay dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Lãi suất vay là 10%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 12.

Nợ dài hạn đối tượng khác là khoản tiền mà Kho bạc Nhà Nước tỉnh Vĩnh Long đã thanh toán cho bên thi công các công trình có nguồn vốn Nhà nước trong thời gian Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long là đơn vị đại diện để giám sát và quản lý công trình.

Lịch trả nợ vay cho khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.102.000.000	392.000.000
Trong năm thứ hai	1.053.000.000	577.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.907.500.000	163.000.000
Tổng	4.062.500.000	1.132.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.102.000.000	392.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.960.500.000	740.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tại ngày 01 tháng 01	(299.180.274)	(328.765.986)
Tăng trong năm	173.376.903	129.394.312
Trích lập quỹ	125.906.903	111.569.312
Tăng khác	47.470.000	17.825.000
Giảm trong năm	111.700.000	99.808.600
Chi tiền mặt	111.700.000	99.808.600
Tại ngày 31 tháng 12	<u>(237.503.371)</u>	<u>(299.180.274)</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lỗ lũy kế</u>	<u>Tổng</u>
Số dư tại 01/01/2015	20.000.000.000	(333.875.116)	3.729.357.484	(1.691.591.899)	21.703.890.469
Lãi trong năm	-	-	-	1.378.034.334	1.378.034.334
Phân phối quỹ	-	-	-	(111.569.312)	(111.569.312)
Thu hồi cổ phiếu	-	(119.595.000)	-	-	(119.595.000)
Giảm cổ phiếu quỹ	-	10.000.000	-	-	10.000.000
Số dư tại 31/12/2015	<u>20.000.000.000</u>	<u>(443.470.116)</u>	<u>3.729.357.484</u>	<u>(425.126.877)</u>	<u>22.860.760.491</u>
Số dư tại 01/01/2016	20.000.000.000	(443.470.116)	3.729.357.484	(425.126.877)	22.860.760.491
Tăng vốn (*)	877.000.000	-	-	-	877.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	1.064.854.296	1.064.854.296
Phân phối quỹ (**)	-	-	125.906.903	(251.813.806)	(125.906.903)
Thu hồi cổ phiếu	-	(25.200.000)	-	-	(25.200.000)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(991.123.800)	(991.123.800)
Giảm khác	-	-	-	(5.633.525)	(5.633.525)
Số dư tại 31/12/2016	<u>20.877.000.000</u>	<u>(468.670.116)</u>	<u>3.855.264.387</u>	<u>(608.843.712)</u>	<u>23.654.750.559</u>

(*) Trong năm Công ty đã hạch toán tăng vốn đầu tư của Nhà nước với số tiền 877.000.000 đồng theo Nghị Quyết số 11/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 và Quyết định số 2430/QĐ-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung vốn điều lệ cho Công ty để đầu tư 03 phao neo tàu 5.000 DWT từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp bằng việc hạch toán tăng vốn đầu tư của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") tại Công ty. Nhưng tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện thủ tục tăng vốn để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(**) Trong năm, Công ty thực hiện phân phối quỹ và chia cổ tức theo Nghị Quyết số 06/NQ.ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Số vốn đã góp			
	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	11.077.000.000	53%	10.200.000.000	51%
Đối tượng khác	9.800.000.000	47%	9.800.000.000	49%
Tổng	20.877.000.000	100%	20.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	208.770	200.000
Cổ phiếu phổ thông	208.770	200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	6.022	5.662
Cổ phiếu phổ thông	6.022	5.662
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	202.748	194.338
Cổ phiếu phổ thông	202.748	194.338

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 100.000 đồng/ cổ phiếu

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.852.227.791	5.804.188.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.162.270.644	15.747.054.050
Tổng	22.014.498.435	21.551.242.290

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.446.150.160	5.395.432.195
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.405.278.381	9.840.590.762
Tổng	16.851.428.541	15.236.022.957

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.780.101	10.025.644
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ Phần Địa Ốc Vĩnh Long	94.503.485	152.811
Lợi nhuận được chia từ đất cho thuê tại khu đất liên doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long	137.654.000	-
Tổng	247.937.586	10.178.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	251.932.014	96.688.750
Tổng	<u>251.932.014</u>	<u>96.688.750</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	324.589.515	431.665.362
Chi phí hoa hồng bán hàng	65.405.268	-
Chi phí thuê đất	80.069.043	-
Chi phí bằng tiền khác	-	28.897.245
Tổng	<u>470.063.826</u>	<u>460.562.607</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.067.300.232	1.755.114.478
Chi phí vật liệu quản lý	40.292.216	13.501.512
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.706.309	3.434.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.424.569	84.486.588
Thuế, phí và lệ phí	30.436.700	839.750.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.429.115	130.745.301
Chi phí bằng tiền khác	2.608.144.482	1.307.228.387
Tổng	<u>4.059.733.623</u>	<u>4.134.261.469</u>

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	649.776.530	119.081.367
Thu bồi thường	-	7.101.614
Thu tiền hoa hồng	7.385.867	1.185.000
Thu khác	2.132.401	46.181
Tổng	<u>659.294.798</u>	<u>127.414.162</u>
Chi phí khác		
Chi bồi thường	-	25.796.220
Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.929.122	900.000
Xử lý số dư công nợ	49.940	98.190
Chi phí khác	900.000	-
Tổng	<u>2.879.062</u>	<u>26.794.410</u>
Lợi nhuận khác	<u>656.415.736</u>	<u>100.619.752</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.285.693.753	1.734.504.714
Các khoản điều chỉnh tăng	50.829.142	48.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	232.157.485	152.811
Thu nhập chịu thuế	1.104.365.410	1.782.351.903
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>220.873.082</u>	<u>356.470.380</u>

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	4.141.063.562	1.210.563.562
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.239.012.156	1.325.464.145
Nợ thuần	2.902.051.406	(114.900.583)
Vốn chủ sở hữu	<u>23.654.750.559</u>	<u>22.860.760.491</u>
Tỷ lệ nợ thuần/Vốn chủ sở hữu	<u>12,27%</u>	<u>-0,50%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	1.239.012.156	1.325.464.145
Phải thu khách hàng	6.690.134.263	7.091.937.237
Phải thu khác	260.729.326	245.176.766
Tổng	8.189.875.745	8.662.578.148
Công nợ tài chính		
Vay	4.141.063.562	1.210.563.562
Phải trả người bán	335.745.571	678.037.335
Phải trả khác	1.720.095.908	1.720.095.908
Chi phí phải trả	34.591.158	25.657.627
Tổng	6.231.496.199	3.634.354.432

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro này thấp do Công ty có khoản đầu tư tài chính khác là không trọng yếu.

35-C
TY
LIU HA
NDAT
AM
CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa và dịch vụ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và tương đương tiền	1.239.012.156	-	1.239.012.156
Phải thu khách hàng	6.690.134.263	-	6.690.134.263
Phải thu khác	260.729.326	-	260.729.326
Tổng	8.189.875.745	-	8.189.875.745
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và tương đương tiền	1.325.464.145	-	1.325.464.145
Phải thu khách hàng	7.091.937.237	-	7.091.937.237
Phải thu khác	245.176.766	-	245.176.766
Tổng	8.662.578.148	-	8.662.578.148
Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Vay	1.102.000.000	3.039.063.562	4.141.063.562
Phải trả người bán	335.745.571	-	335.745.571
Phải trả khác	1.684.195.908	35.900.000	1.720.095.908
Chi phí phải trả	34.591.158	-	34.591.158
Tổng	3.156.532.637	3.074.963.562	6.231.496.199
Tại ngày 01/01/2016			
Vay	392.000.000	818.563.562	1.210.563.562
Phải trả người bán	678.037.335	-	678.037.335
Phải trả khác	1.684.195.908	35.900.000	1.720.095.908
Chi phí phải trả	25.657.627	-	25.657.627
Tổng	2.779.890.870	854.463.562	3.634.354.432
Thanh khoản thuần	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016	5.033.343.108	(3.074.963.562)	1.958.379.546
Tại ngày 01/01/2016	5.882.687.278	(854.463.562)	5.028.223.716

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. GIAO DỊCH VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập ban điều hành Công ty	672.233.880	589.404.200
Tổng		672.233.880	589.404.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

32. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Căn cứ theo hợp đồng hợp tác liên doanh số 01/HĐLD ngày 26 tháng 04 năm 2004 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long về dự án mua đất để kinh doanh mảnh đất 50.000 m² tại ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, trách nhiệm của Công ty là tham gia hỗ trợ lập hồ sơ pháp lý cần thiết để quá trình triển khai dự án được thuận lợi; trách nhiệm của Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long là lên kế hoạch triển khai dự án, tính toán cụ thể phương án kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Dự án có thông tin cụ thể như sau:

6.4 Thông tin hợp đồng hợp tác kinh doanh:

Tổng mức đầu tư dự án dự kiến

10.000.000.000

Trong đó cơ cấu vốn dự kiến được xác định:

Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long (50%)

5.000.000.000

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long (50%)

5.000.000.000

Tổng mức đầu tư dự án thực tế:

10.666.200.000

Trong đó:

Công ty Cổ phần Địa ốc Vĩnh Long (50%)

5.333.100.000



33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Lê Thị Hồng Nhiên
Người lập

Dương Khánh Hùng
Kế toán trưởng

Lê Văn Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2017